TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 02-8-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Hoàng Khương.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST-DS ngày 21/6/2018, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-DS ngày 06/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị C, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà D trình bày:* Ngày 16/01/2016 bà D mở một dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 24 phần hụi, trong đó chị C tham gia một phần. Chị C đóng được 05 lần, đến lần thứ 06 thì chị C kêu 400.000 đồng và hốt hụi. Chị C hốt được số tiền là 38.800.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, chị C còn được nhận 37.800.000 đồng. Chị C hốt hụi xong thì có nghĩa vụ đóng lại hụi chết 18 lần,

mỗi lần bằng 2.000.000 đồng là 36.000.000 đồng. Chị C đã đóng lại được 03 lần bằng 6.000.000 đồng (nhưng thực tế chị C trả nhiều lần bằng 6.000.000 đồng chứ không phải đóng 03 lần). Chị C còn thiếu số tiền là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày mãn hụi là ngày 16/11/2017 đến ngày 16/5/2018 là 300.000 đồng mỗi tháng, như vậy 06 tháng bằng 1.800.000 đồng. Cộng với tiền lãi bà D xuất ra để lắp vô đóng cho bà C từ ngày 16/10/2016 đến ngày 16/11/2017 là 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà D yêu cầu chị C phải trả là 32.800.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị C trình bày:* Chị C thống nhất còn thiếu bà D số tiền hụi là 30.000.000 đồng và thống nhất trả cho bà D số tiền 30.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu bà D cho phần lãi 2.800.000 đồng, vì hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn.

Tại phiên tòa: Chị C thống nhất trả cho bà D số tiền còn nợ là 32.800.000 đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 2.800.000 đồng, nhưng yêu cầu trả dần, không có khả năng trả một lần.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà D và chị C đã thống nhất số nợ còn lại là 32.800.000 đồng nên đề nghị buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán cho bà D số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà D yêu cầu chị C trả số tiền nợ hụi 32.800.000 đồng, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà D khẳng định chỉ yêu cầu chị C trả nợ, không yêu cầu chồng chị C liên đới cùng trả nên không cần đưa chồng chị C vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 16/01/2016 bà D mở một dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 24 phần hụi; chị C tham gia một phần. Chị C đóng được 05 lần đến, lần thứ 06 thì hốt được số tiền là 38.800.000 đồng. Chị C có đóng hụi chết và còn nợ bà D 30.000.000 đồng thì không đóng nữa.

Tại phiên tòa chị C và bà D thống nhất số nợ đến ngày xét xử là 32.800.000 đồng, trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày ngưng đóng hụi đến ngày xét xử là 2.800.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận số nợ nên xem đây là

tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Vấn đề còn tranh chấp: Chị C cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, không trả nợ được một lần, yêu cầu được trả dần hàng tháng. Nhưng bà D không chấp nhận yêu cầu của chị C nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với chị C, buộc chị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà D số tiền 32.800.000 đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày tuyên án sơ thẩm là 2.800.000 đồng.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 1.640.000 đồng.

Bà D không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về *"họ, hụi, biêu, phường";* các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà D đối với chị C. Buộc chị C có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 32.800.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà D cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu là 1.640.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 820.000 đồng (Tám trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005637 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận